

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **100/2021/DS-ST**
Ngày: 02/7/2021
V/v T/C Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiều Hoàng Mới.

2. Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2021, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 117/2021/TLST-DS ngày 06/4/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2021/QĐXXST-DS ngày 04/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2021/QĐST-DS ngày 21/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng C**, địa chỉ: Số X, Phố L, phường H, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ Tổng Giám đốc, đã ủy quyền cho ông Đỗ Long T1, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Sóc Trăng, địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Đỗ Long T1 ủy quyền cho ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy ủy quyền số Y ngày 01/4/2020 (ông C có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng C trình bày: Thực hiện các chương trình tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng C đã xem xét và thỏa thuận cho vay với lãi suất ưu đãi,...để giải quyết khó khăn và phát triển kinh tế hộ gia đình ở địa phương.

Vào ngày 23/06/2010, Ngân hàng phê duyệt cho hộ ông Nguyễn Văn C, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất: 0,65%/tháng, thời hạn cho vay: 60 tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 19/06/2015, của Chương trình cho vay: Hộ nghèo, mục đích sử dụng: Chăn nuôi; Ngày 19/07/2012, Ngân hàng tiếp tục phê duyệt cho hộ ông C, vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất: 0,25%/tháng, thời hạn cho vay: 120 tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 19/07/2022, của Chương trình cho vay: Hộ nghèo về nhà ở, mục đích sử dụng: Xây dựng nhà ở. Tổng cộng hộ ông C đã vay vốn của 02 chương trình với tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (kể cả vốn gốc và tiền lãi) theo thỏa thuận. Đến nay, hộ ông Nguyễn Văn C đã trả nợ gốc là 0 đồng, trả lãi là 1.616.333 đồng. Tổng cộng số tiền còn nợ là 24.665.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 02/7/2021) là 6.665.000 đồng. Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương, Hội đoàn thể vận động gia đình thực hiện nghĩa vụ để thu hồi nợ về cho Nhà nước nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P có trách nhiệm hoàn trả tổng số tiền là 24.665.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 02/7/2021) là 6.665.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C thống nhất với tất cả lời trình bày và yêu cầu của Ngân hàng C. Ông đồng ý cùng vợ là bà Trần Thị P trả số nợ trên cho Ngân hàng nhưng hiện tại chưa có điều kiện để trả.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà P không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Theo sổ vay vốn, giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay và sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ giữa các bên như nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện và cung cấp cho Tòa án là phù hợp, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C thừa nhận có nợ của Ngân hàng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu của nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cả vốn gốc và lãi theo thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 117, 463, 466, 467 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 23/06/2010, Ngân hàng phê duyệt cho hộ ông Nguyễn Văn C, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất: 0,65%/tháng, thời hạn cho vay: 60 tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 19/06/2015, của Chương trình cho vay: Hộ nghèo, mục đích sử dụng: Chăn nuôi; Ngày 19/07/2012, Ngân hàng tiếp tục phê duyệt cho hộ ông C, vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất: 0,25%/tháng, thời hạn cho vay: 120 tháng, kỳ hạn

trả nợ: 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 19/07/2022, của Chương trình cho vay: Hộ nghèo về nhà ở, mục đích sử dụng: Xây dựng nhà ở. Tổng cộng hộ ông C đã vay vốn của 02 chương trình với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Hợp đồng thể hiện ông C và bà P đều có ký tên. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tổng cộng số tiền còn nợ là 24.665.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 02/7/2021) là 6.665.000 đồng. Tại phiên tòa, ông C đã thống nhất với Ngân hàng về số nợ. Riêng bà P: Mặc dù Tòa án đã mời nhiều lần nhưng bà không tham gia tố tụng, không có ý kiến hay phản đối gì về yêu cầu của nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng C và ông C được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía ông C và bà P là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa Ngân hàng C và ông C, bà P là hợp pháp. Mặc dù bà P chỉ ký hợp đồng với tư cách là người thừa kế nhưng mục đích của hợp đồng là chăn nuôi và xây dựng nhà ở là phục vụ cho sự phát triển kinh tế chung của gia đình nên bà P là vợ phải có nghĩa vụ liên đới với ông C chịu trách nhiệm về khoản nợ trên. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc vợ chồng ông C, bà P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền vốn và lãi đã vay là 24.665.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 02/7/2021) là 6.665.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 24.665.000 đồng x 5% = 1.233.250 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vốn và lãi đã vay tính đến ngày 02/7/2021 là 24.665.000 đồng, trong đó: vốn gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi là 6.665.000 đồng.

Kể từ ngày 03/7/2021, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị P còn phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc (vốn vay) chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Sổ vay vốn số 6200046966 ngày 23/06/2010 (giải ngân ngày 23/06/2010 và 19/7/2012) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 1.233.250 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh Đa